

# VẤN ĐỀ " KHÁCH QUAN" VÀ "CHỦ QUAN" TRONG CÁCH DIỄN ĐẠT THÔNG QUA MỘT SỐ TỪ LOẠI, MẪU CÂU TIẾNG NHẬT

TRẦN SƠN\*

**T**rong tiếng Nhật có một số từ (động từ, tính từ) và một vài mẫu câu có cách dùng khác nhau về mặt cấu trúc ngữ pháp nhưng ý nghĩa không khác nhau. Để phân biệt cách dùng khác nhau về mặt cấu trúc ngữ pháp có thể quy vào hai trường hợp sau đây : Một là *hiện tượng khách quan(KQ)* và *ý định chủ quan(CQ)* của con người thông qua cách sử dụng của các dạng **biến đổi từ loại** (động từ *thành* danh từ, tính từ *thành* trạng từ ) hoặc cách sử dụng các loại tính từ, động từ có nghĩa tương đương.

## 1. Về động từ.

1.1 Cách dùng động từ "Yasumu " và danh từ " Yasumi "

Phân biệt cách dùng động từ " yasumu "( nghỉ ) và danh từ " yasumi "(việc nghỉ ngơi, ngày nghỉ). Do quan hệ ngữ nghĩa và cách dùng từ " nghỉ " trong tiếng Việt không có cách thể hiện hiện tượng khách quan và ý định chủ quan của con người như trong tiếng Nhật, nên người học không biết phân biệt cách dùng động từ " yasumu" và danh từ " yasumi "như thế nào, hầu như chỉ biết cách dùng động từ bởi vì trong tiếng Việt từ " nghỉ" phần lớn được dùng làm động từ, như " Hôm nay tôi nghỉ học"(1), "Công ty hôm nay nghỉ"(2), "Ngày mai chủ nhật nghỉ(a), cậu có nghỉ(b) không?"(3) Trong các câu trên, nếu chuyển sang tiếng Nhật thì từ "nghỉ" không thể dùng động từ "yasumu" ở tất cả các câu như trên theo

kiểu tiếng Việt được , mà phải phân biệt câu nào thể hiện *hiện tượng khách quan*, câu nào thể hiện *ý định chủ quan của con người* để biết cách dùng. Nếu dùng động từ "yasumu" là thể hiện ý định chủ quan, còn nếu dùng danh từ "yasumi" là thể hiện hiện tượng khách quan. Vậy ta hãy xem câu (1)" Hôm nay tôi nghỉ học" thể hiện rõ *ý định chủ quan*, nên phải dùng động từ "gakkōwo yasumimasu"(tôi nghỉ học). Câu(2) " Công ty hôm nay nghỉ " thể hiện *hiện tượng khách quan*, nên phải dùng danh từ "Kaishawa yasumi desu"(Công ty nghỉ ). Câu(3) phân câu(a) " Ngày mai chủ nhật nghỉ" thể hiện *hiện tượng khách quan* nên phải dùng danh từ "Nichi-yōbiwa yasumi desu", phân câu(b) " Cậu có nghỉ không ? " thể hiện *ý định chủ quan* "cậu có nghỉ không?" nên phải dùng động từ "yasumimasu ka?"

Sau đây là một vài câu ví dụ :

- a) 日曜日は学校は休みです。 (KQ)  
Nhà trường nghỉ ngày chủ nhật
- b) 一週間に2日休みがあります。  
(KQ) Một tuần nghỉ 2 ngày.
- c) 風邪を引いて、学校を休みました (CQ) Tôi bị cảm phải nghỉ học.
- d) A先生はふだんは12時ごろお休みになるそうです。(CQ)

Thầy A thường nghỉ vào khoảng 12 giờ.

\* Câu (a) và (b) chỉ *hiện tượng khách quan*, dùng danh từ " yasumi "

\* Tiên sĩ, Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội

Câu (b) và (d) chỉ ý định chủ quan, dùng động từ "yasumimashita" và động từ kính ngữ "Oyasumininaru".

1.2 Cách dùng động từ "Tanoshimu" và danh từ "Tanoshimi"

Thông thường phân biệt hai từ này về từ loại thì rất dễ (đuôi "mu" là động từ, đuôi "mi" là dạng danh từ của động từ) nhưng phân biệt về cách dùng thì rất khó. Vì vậy, chúng tôi quy vào hiện tượng khách quan và ý định chủ quan để phân biệt cách dùng hai từ này như sau :

- Chỉ hiện tượng khách quan dùng danh từ TANOSHIMI

Ví dụ :

a) 夏休みにいろいろな所へ行きたいと思っています。夏休みが楽しみです。

Tôi rất muốn đi nhiều nơi vào mùa hè. Kỳ nghỉ hè sẽ rất vui.

b) 私は ハノイで会えるのを楽しみにしています。

Tôi rất vui chờ ngày gặp anh ở Hà Nội.

Trong hai câu trên thì câu ( a ) rõ ràng là hiện tượng khách quan : Kỳ nghỉ hè sẽ rất vui. Còn câu( b ) có vẻ như ý định chủ quan , nhưng thực ra không phải. Câu tiếng Nhật nguyên nghĩa là " Tôi lấy việc sẽ gặp được anh ở Hà Nội làm niềm vui " vì TANOSHIMI là danh từ. Mà niềm vui ấy là niềm vui chung của hai người. Câu tiếng Việt " Tôi rất vui chờ ngày gặp anh ở Hà Nội " là dịch theo ý.

- Chỉ ý định chủ quan dùng động từ TANOSHIMU

Ví dụ :

a) わたしは 日本での留学生生活を楽しんでいます。

Tôi rất vui được sống và học tập ở Nhật Bản.

b) 友達から借りた日本の歌のテープを毎晩楽しんでいます。

Tối nào tôi cũng thích nghe băng bài hát Nhật Bản mượn của bạn tôi.

Hai câu trên hoàn toàn do ý định chủ quan tự mình cảm thấy vui, phấn khởi với cuộc sống du học tại Nhật bản. Riêng câu ( b ) tiếng Việt là " thích nghe băng ", nhưng thực ra câu tiếng Nhật là " Tối nào tôi cũng vui với băng bài hát Nhật Bản ".

## 2. Về tính từ

2.1 Cách dùng tính từ " osoi "(chậm, muộn) và " osoku "(Tính từ osoi đối đuôi i thành ku làm trạng từ đi trước động từ). Hai cách dùng tính từ này cũng thể hiện hiện tượng khách quan(dùng tính từ) và ý định chủ quan(dùng tính từ làm trạng từ). Ví dụ :

a) 田中さんは夜寝るのがいつも遅いです。( KQ )

Anh Tanaka tối nào cũng đi ngủ muộn.

(Việc đi ngủ của anh Tanaka luôn muộn)

b) 日曜日は遅く起きます。(CQ)  
Ngày chủ nhật tôi ngủ dậy muộn.

c) タベ遅くまで食堂でパーティーをやっていました。( CQ )

Tối qua liên hoan ở nhà ăn mãi đến khuya.

Câu(a) chỉ hiện tượng khách quan, dùng tính từ "osoi". Câu(b) và (c) chỉ ý định chủ quan, dùng tính từ làm trạng từ" osoku ".

2.2 Cách dùng tính từ "hayai"(nhanh, sớm) và "hayaku"(Tính từ hayai đối đuôi i thành ku làm trạng từ) cũng được dùng

để thể hiện *hiện tượng khách quan* và ý *định chủ quan* như trường hợp tính từ "osoii" kể trên.

Ví dụ :

a) クラス長は学校に来るのがいつも早いです。(KQ)

Lớp trưởng bao giờ cũng đến lớp sớm.  
(Việc đến trường của lớp trưởng bao giờ cũng sớm)

b) 私は今朝早く起きました。(CQ)

Sáng nay tôi đã dậy sớm.

c) 月日がたつのは本当に速いものです。(KQ)

Ngày tháng trôi đi thật là nhanh.

d) 最近前より速く作文が書けるようになりました。(CQ)

Gần đây tôi làm bài tập làm văn nhanh hơn trước.

- Câu (a) và (c) chỉ *hiện tượng khách quan*, dùng tính từ "hayai"

- Câu (b) và (d) chỉ ý *định chủ quan*, dùng tính từ làm trạng từ "hayaku".

2.3 Cách dùng tính từ "Tanoshii" (vui vẻ) và tính từ "Ureshii" (cảm thấy vui).

Thông thường phân biệt cách dùng hai tính từ này ở chỗ "vui bên ngoài, vui công khai, mọi người cùng vui" thì dùng tính từ "Tanoshii", còn "niềm vui ấy ở trong lòng, không nói ra thì người khác không biết" thì dùng tính từ "Ureshii". Phân biệt về nghĩa giữa hai tính từ trên là như vậy, nhưng thực tế người học thường rất lúng túng khi sử dụng. Vì vậy chúng tôi xin quy vào hai hiện tượng: khách quan và chủ quan để phân biệt cách dùng hai tính từ như sau:

- Chỉ *hiện tượng khách quan*, mọi người vui cùng vui dùng TANOSIII

Ví dụ :

a) 日本での留学生活は とても楽しいです。(KQ)

Cuộc sống du học tại Nhật bản rất vui.

b) みんなでバレーボールをして、とても楽しかった。(KQ)

Tất cả mọi người chơi bóng chuyền rất vui.

c) 毎晩6時ごろ、友達と一緒に楽しく晩御飯を食べます。(KQ)

Khoảng 6 giờ tối hàng ngày, tôi cùng ăn cơm vui vẻ với các bạn.

Ba câu trên đều thể hiện niềm vui chung, niềm vui công khai mọi người đều biết, do đó đều dùng tính từ TANOSHII là đúng. Câu (c) tính từ "Tanoshii" được dùng làm trạng từ "Tanoshiku" cho động từ "Tabemasu" (ăn), ngữ nghĩa không có gì thay đổi.

-Chỉ *suy nghĩ chủ quan* không bộc lộ ra bên ngoài, nếu không nói ra thì người khác thường là không thấy. Có thể nói đây là *niềm vui thầm kín*, của riêng từng người. Khi nói ra là suy nghĩ chủ quan của mình, trường hợp này dùng tính từ URESHII.

Ví dụ :

a) きのうちとてもうれしいことがありました。(CQ)

Hôm qua tôi có chuyện rất vui.

b) 大学入学試験に合格できて、とてもうれしいです。(CQ)

Tôi rất vui vì đã trúng tuyển vào đại học.

c) 恋人から手紙をもらって、とてもうれしかったです。(CQ)

Tôi rất vui vì nhận được thư của người yêu.

d) 家族から手紙をもらって、タンさんはとてもうれしそうです。  
(CQ)

Nhận được thư của gia đình nên anh Tân có vẻ rất vui.

e) この大学に入学できたことをうれしく 思っています。  
(CQ)

Tôi rất phấn khởi vì đã thi được vào Trường này.

Năm câu trên thì 4 câu ( a, b, c, e ) chủ ngữ đều là *tôi* , lẽ dĩ nhiên niềm vui ấy đều *tự trong lòng tôi nói ra*. Còn câu (d) tuy không phải *anh Tân* nói ra nhưng người khác nhận xét *cái suy nghĩ chủ quan của anh Tân* có một phần nào đó đã được bộc lộ ra ngoài mà người khác thấy được.

### 3. Về tính từ và động từ

Cách dùng tính từ " ooi " (nhiều, có nhiều) và động từ tồn tại " aru " đi với trạng từ " takusan "( takusan aru = có nhiều ). Khi dùng tính từ " ooi " thường chỉ hiện tượng khách quan nhưng được con người *miêu tả hiện tượng khách quan* ấy.

Ví dụ :

a) 日本に来ている中国留学生はとも多いです。 (KQ)

Rất nhiều sinh viên Trung quốc đến Nhật bản.

b) 宿題が多くて、遊ぶ時間はほとんどありません。(KQ)

Nhiều bài tập quá, hầu như tôi không còn thời gian đi chơi.

c) 用例の多い辞書がほしいです。

Tôi cần cuốn từ điển có nhiều ví dụ.  
(KQ)

Còn cách dùng động từ tồn tại " aru " đi với trạng từ " takusan " thường chỉ sự *nhận xét chủ quan* của con người về sự tồn tại khách quan.

Ví dụ :

a) 先生の本棚には辞書がたくさんあります。(CQ)

Trên giá sách của thầy giáo có nhiều từ điển.

b) この問題については、たくさん研究論文がある。(CQ)

Có nhiều luận văn nghiên cứu về vấn đề này.

c) 花の種類はたくさんあるので、おぼえられないのです。(CQ)

Vì có nhiều loại hoa nên tôi không thể nhớ được.

Trong tiếng Việt chỉ có một cách dùng " có nhiều " hoặc " nhiều ", nên khi sử dụng tính từ " ooi " và động từ đi với trạng từ " takusan aru " cứ tưởng như nhau, nhưng thực tế có sự phân biệt rõ rệt về cách miêu tả hiện tượng khách quan( dùng tính từ " ooi " ) và nhận xét chủ quan về sự tồn tại khách quan ấy ( dùng động từ " takusan aru").

### 4. Về mẫu câu

4.1 - Cách dùng mẫu câu "...sôda". Động từ và tính từ 1 nguyên dạng, tính từ 2 và danh từ cộng thêm da đi với *sôda* để chỉ sự **phán đoán khách quan**. Còn động từ chia đoạn i ( V(i) ), tính từ 1 và 2 đều cắt đuôi (cđ) đi với *sôda* để thể hiện **sự phán đoán chủ quan**. Có thể ghi gọn theo công thức sau:

V ー , A ー i , Na và N + だ + そうだ (KQ)

V(i), A và Na (cđ) + そうだ (CQ)

Ví dụ :

a) 新聞によると、今年は交通事故の死者が激増しているそうだ。(KQ)

Theo báo chí thì năm nay số người chết vì tai nạn giao thông tăng nhiều.

b) 今年の冬は暖かいそうだ。(KQ)

Nghe nói mùa đông năm nay không lạnh.

c) 昔はこのあたりは海だったそうだ。(KQ)

Nghe nói ngày xưa vùng này là biển.

d) その料理はおいしそうだ。(CQ)

Món ăn ấy trông có vẻ ngon.

e) 今日は傘を持って行った方がよさそうだ。(CQ)

Hôm nay có lẽ nên mang ô đi.

\* Câu (a)(b)(c) đều phán đoán theo khách quan (theo báo chí, nghe nói...)

\* Câu (d) và (e) là sự phán đoán chủ quan (Trông có vẻ ngon, có lẽ nên mang...)

\* Câu (e) tính từ 1" yoi" (tốt) là trường hợp phán đoán chủ quan, do quan hệ cấu trúc ngữ pháp tính từ đuôi i không cắt đuôi i mà phải đổi đuôi i thành sa → yosasôda .

4.2 - Cách dùng mẫu câu "...kotoni naru "(1) và "...kotoni suru "(2). Mẫu câu (1) kotoni naru do khách quan quyết định, còn mẫu câu (2) kotoni suru là do chủ quan quyết định.

Khách quan quyết định nói ở đây có nghĩa là do cơ quan, đoàn thể, một tập thể quyết định hoặc hai người đã có ước hẹn trước kể cả những thông lệ, tập quán đã có sẵn từ trước. Còn chủ quan quyết định là nói cá nhân hoặc một tập thể chủ động quyết định không lệ thuộc vào người khác hoặc cơ quan, tổ chức nào đó.

Ví dụ :

a) 今度 日本へ行くことになりました。(KQ)

Dịp tới tôi được đi Nhật.

b) よく話し合った結果、やはり離婚ということになりました。(KQ)

Sau khi trao đổi kỹ, cuối cùng đi đến ly hôn.

c) これからあまりあまい物は食べないことにしよう。(CQ)

Tôi quyết định từ nay trở đi không ăn nhiều đồ ngọt.

d) きょうはどこへも行かないで勉強することにしたよ。(CQ)

Tôi đã quyết định hôm nay không đi đâu cả và ở nhà học.

\* Câu (a) và (b) do khách quan quyết định( tôi được cơ quan, gia đình cho đi; vấn đề ly hôn do hai bên bàn bạc, kết quả đi đến ly hôn, không phải do một phía nào chủ động quyết định, được coi là do khách quan quyết định).

\* Câu (c) và (d) hoàn toàn do chủ quan quyết định.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1- Từ điển mẫu câu tiếng Nhật. Nhà xuất bản Giáo Dục 1999.

2. 教師と学習者のための日本語文型辞典, くろしお出版, 1998.

3. 外国人のための日本語例文. 問題シリーズ 1 副詞 (Adverbs) 荒竹出版, 1987.

4. Giáo trình Tiếng Nhật dùng cho người Việt Nam Wakaru Nihongo, Tập I, II, III.